

Số: 37404 /CT-HTr  
V/v trả lời chính sách thuế

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2015

Kính gửi: Công thông tin điện tử - Bộ Tài chính

Cục thuế TP Hà Nội nhận được Phiếu chuyển số 415/PC-TCT ngày 24/4/2015 của Tổng cục Thuế chuyển thư hỏi của độc giả Thương trên Công thông tin điện tử - Bộ Tài chính (sau đây gọi là “Độc giả”) hỏi về việc thuế GTGT đầu vào của hàng tồn kho khi xác định thuế GTGT được hoàn và việc sử dụng hóa đơn bất hợp pháp. Cục thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Khoản 4, Điều 18 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng, quy định cách xác định số thuế GTGT đầu vào được hoàn cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu như sau:

"4. ...

Số thuế GTGT đầu vào được hoàn cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số thuế GTGT chưa khấu trừ hết của tháng/quý} = \text{Thuế GTGT đầu ra của hàng hóa, dịch vụ bán trong nước} - \text{Tổng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong tháng/quý (bao gồm: thuế GTGT đầu vào phục vụ hoạt động xuất khẩu, phục vụ hoạt động kinh doanh trong nước chịu thuế trong tháng/quý và thuế GTGT chưa khấu trừ hết từ tháng/quý trước chuyển sang)} \end{array}$$

...

Riêng đối với cơ sở kinh doanh thương mại mua hàng hóa để thực hiện xuất khẩu thì số thuế GTGT đầu vào được hoàn cho hàng hóa xuất khẩu được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu} = \text{Số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa còn tồn kho cuối tháng/quý} - \text{Số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa còn tồn kho cuối tháng/quý} \times \frac{\text{Tổng doanh thu xuất khẩu trong kỳ}}{\text{Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ trong kỳ bán ra chịu thuế (bao gồm cả doanh thu xuất khẩu)}} \times 100\% \end{array}$$

Nếu số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu đã tính phân bổ như trên chưa được khấu trừ nhỏ hơn 300 triệu đồng thì cơ sở kinh doanh không được xét hoàn thuế theo tháng/quý mà kết chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo; nếu

số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế GTGT theo tháng/quý.

...".

- Căn cứ điểm b, Khoản 12, Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 18 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/01/2015, quy định cách xác định số thuế GTGT đầu vào được hoàn cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu:

**"b) Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 18 như sau:**

**"4. Cơ sở kinh doanh trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng), quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu nếu thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý; trường hợp trong tháng, quý số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu chưa được khấu trừ chưa đủ 300 triệu đồng thì được khấu trừ vào tháng, quý tiếp theo.**

Cơ sở kinh doanh trong tháng/quý vừa có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu, vừa có hàng hoá, dịch vụ bán trong nước thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế GTGT cho hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu nếu số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên.

Số thuế GTGT đầu vào được hoàn cho hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu được xác định như sau:

$\begin{array}{l} \text{Số thuế} \\ \text{GTGT chưa} \\ \text{khấu trừ hết} \\ \text{của tháng} \\ \text{/quý} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thuế GTGT đầu} \\ \text{ra của hàng hóa,} \\ \text{dịch vụ bán trong} \\ \text{nước} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Tổng số thuế GTGT đầu vào được} \\ \text{khấu trừ trong tháng/quý (bao} \\ \text{gồm: thuế GTGT đầu vào phục vụ} \\ \text{hoạt động xuất khẩu, phục vụ hoạt} \\ \text{động kinh doanh trong nước chịu} \\ \text{thuế trong tháng/quý và thuế} \\ \text{GTGT chưa khấu trừ hết từ} \\ \text{tháng/quý trước chuyển sang)} \end{array}$	
$\begin{array}{l} \text{Số thuế} \\ \text{GTGT đầu} \\ \text{vào của hàng} \\ \text{hóa, dịch vụ} \\ \text{xuất khẩu} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số thuế GTGT} \\ \text{chưa khấu trừ hết} \\ \text{của tháng/quý} \end{array} \times \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng doanh thu xuất} \\ \text{khẩu trong tháng/quý} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng doanh thu hàng} \\ \text{hóa, dịch vụ trong kỳ} \\ \text{bán ra chịu thuế, doanh} \\ \text{thu không phải kê khai,} \\ \text{tính nộp thuế (bao gồm} \\ \text{cả doanh thu xuất khẩu)} \\ \text{trong tháng/quý} \end{array}} \times 100\%$	

Nếu số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu đã tính phân bổ như trên chưa được khấu trừ nhỏ hơn 300 triệu đồng thì cơ sở kinh doanh không được xét hoàn thuế theo tháng/quý mà kết chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo; nếu



số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế GTGT theo tháng/quý.

... ”.

- Đối với hành vi vi phạm về hóa đơn xảy ra vào thời điểm Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế; Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ; Thông tư số 61/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử lý vi phạm pháp luật về thuế là từ ngày 01/01/2011 đến trước ngày 09/11/2013 (ngày Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn có hiệu lực):

+ Căn cứ Điều 23 Thông tư số 153/2010/NĐ-CP ngày 28/9/2010 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, quy định:

**“Điều 23. Sử dụng hoá đơn của người mua hàng**

...

2. Hóa đơn được sử dụng trong các trường hợp tại khoản 1 phải là:

- Hóa đơn mua hàng hoá, dịch vụ bản gốc, liên 2 (liên giao khách hàng), trừ các trường hợp nêu tại Điều 22 Thông tư này.

- Hóa đơn ghi đầy đủ các chỉ tiêu, nội dung theo quy định và phải nguyên vẹn.

- Số liệu, chữ viết, đánh máy hoặc in trên hóa đơn phải rõ ràng, đầy đủ, chính xác theo đúng quy định, không bị tẩy xóa, sửa chữa.

- Hóa đơn không thuộc các trường hợp nêu tại Điều 20 và Điều 21 Thông tư này.”

+ Căn cứ Khoản 2, 3 Điều 34 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, quy định về xử phạt các hành vi vi phạm quy định về sử dụng hóa đơn của người mua:

**“Điều 34. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về sử dụng hóa đơn của người mua**

....

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng hóa đơn lập không.”

+ Căn cứ Khoản 1.4, 1.5 Mục III, Phần B Thông tư số 61/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử lý vi phạm pháp luật về thuế, quy định:

**“III. Xử phạt đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn**

1. Các trường hợp khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn bị xử phạt thiếu thuế bao gồm:

...

1.4. Sử dụng hoá đơn, chứng từ bất hợp pháp để hạch toán giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm, nhưng khi cơ quan thuế kiểm tra phát hiện, người mua có hồ sơ, tài liệu, chứng từ, hoá đơn chứng minh được lỗi vi phạm hoá đơn bất hợp pháp thuộc về bên bán hàng và người mua đã hạch toán kế toán đầy đủ theo quy định.

1.5. Cơ quan thuế căn cứ ngày nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước ghi trên chứng từ nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước hoặc chứng từ chuyển khoản có xác nhận của kho bạc nhà nước để xác định việc người nộp thuế đã nộp tiền thuế vào Ngân sách Nhà nước và số ngày chậm nộp tiền thuế để làm căn cứ xác định số tiền phạt.”

Căn cứ các quy định nêu trên, Cục thuế TP Hà Nội hướng dẫn Độc giả như sau:

1. Trong trường hợp Công ty của Độc giả có hồ sơ xin hoàn thuế GTGT theo điểm 4, Điều 18 Thông tư số 219/2013/TT-BTC và thuộc trường hợp là cơ sở kinh doanh thương mại mua hàng hóa để thực hiện xuất khẩu, đề nghị Công ty căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị để thực hiện theo các trường hợp sau:

- Đối với hồ sơ hoàn thuế trước ngày 01/01/2015: Việc xác định số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 18 Thông tư số 219/2013/TT-BTC nêu trên;

- Từ ngày 01/01/2015, Công ty xác định số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu theo quy định tại điểm b, Khoản 12, Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC nêu trên.

2. Trường hợp sử dụng hóa đơn bất hợp pháp tại thời điểm tháng 03/2013, việc xử phạt vi phạm được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 34 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Khoản 1.4, 1.5 Mục III, Phần B Thông tư số 61/2007/TT-BTC nêu trên.

- Nếu còn vướng mắc, đề nghị Công ty của độc giả liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được giải đáp cụ thể.

Cục thuế TP Hà Nội thông báo để Công thông tin điện tử - Bộ Tài chính biết và hướng dẫn độc giả thực hiện theo đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đã được trích dẫn tại văn bản này./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Tổng cục Thuế (để báo cáo)
- Phòng pháp chế;
- Lưu: VT, HTr(2).

**KT. CỤC TRƯỞNG**  
**PHÓ CỤC TRƯỞNG**  
  
**Mai Sơn**